Người ký: Văn phòng Sở
Email: sonnptnt@hungyen.gov.vn
Cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 15.05.2017 10:46:32 +07:00

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 73 /BC-SNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 15 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO
Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 14/6/2013 và Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 21/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Kính gửi: Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 690-QĐ/TU ngày 25/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Căn cứ Quyết định số 690-QĐ/TU ngày 25/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập Đoàn Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 14/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dồn thửa đổi ruộng đất nông nghiệp và Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh; việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 21/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường giải quyết tình trạng vi phạm, lấn chiếm công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Đặc điểm tình hình

Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn (được quy định tại quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 10/6/2010 của UBND tỉnh), hiện nay cơ cấu Lãnh đạo Sở có Giám đốc, 03 Phó giám đốc.

Trong thời kỳ từ ngày 01/4/2013 đến 30/4/2017, tập thể lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT có sự thay đổi như sau:

- Từ ngày 01/4/2013 đến 6/2013, tập thể lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT gồm: Đồng chí Nguyễn Văn Phóng- Giám đốc, 04 Phó Giám đốc là các đồng chí: Nguyễn Xuân Chiến, Nguyễn Văn Phú, Đoàn Thị Chải, Lê Trung Cần.

- Từ tháng 06/2013 đến tháng 2/2014, tập thể lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT gồm: Đồng chí Nguyễn Văn Phú là Phó giám đốc phụ trách, 03 Phó giám đốc là các đồng chí: Nguyễn Xuân Chiến, Đoàn Thị Chải, Lê Trung Cần.

- Từ tháng 02/2014 đến tháng 12/2016, tập thể lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT gồm: Đồng chí Nguyễn Văn Doanh - Giám đốc, 04 Phó giám đốc là các đồng chí: Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Xuân Chiến, Đoàn Thị Chải, Lê Trung Cần.

- Từ tháng 12/2016 đến 30/4/2017, tập thể lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT gồm: Đồng chí Nguyễn Văn Doanh - Giám đốc, 03 Phó giám đốc là các đồng chí: Nguyễn Văn Phú, Đoàn Thị Chải, Lê Trung Cần.

Về tổ chức Đảng, Đảng bộ Sở Nông nghiệp và PTNT là Đảng bộ trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh, từ năm 2011 đến tháng 6/2015, Đảng bộ Sở Nông nghiệp và PTNT do đồng chí Nguyễn Xuân Chiến là Bí thư. Tại Đại hội nhiệm kỳ 2015-2020 đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Doanh giữ chức vụ Bí thư. Đảng ủy Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo Sở trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

II. Kết quả thực hiện việc lãnh đạo, chỉ đạo theo nội dung kiểm tra

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Trong từng giai đoạn, tập thể lãnh đạo đã xây dựng, ban hành quy chế làm việc, phân công trách nhiệm của Giám đốc, các Phó giám đốc. Vì vậy những năm qua, tập thể lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT luôn đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo ngành Nông nghiệp và PTNT thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tập thể lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT thường xuyên quan tâm, chú trọng đến việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ được giao theo nội dung của Chỉ thị số 21-CT/TU và Nghị quyết số 12-NQ/TU và triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung theo văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TU, Nghị quyết số 12-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai thực hiện như sau:

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TU:

- Ban hành Hướng dẫn số 36/HD-NN ngày 24/4/2015 về việc triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 30/2/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch khung về chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

- Thành lập Đoàn kiểm tra kết quả chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản năm 2015 theo Quyết định số 91/QĐ-SNN ngày 05/4/2016.

- Hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

- Phối hợp đôn đốc, chỉ đạo các xã, thị trấn và nông dân tổ chức đăng ký, thực hiện chuyển đổi đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định; lập hồ sơ vi phạm hành chính, tổ chức xử lý đối với các trường hợp vi phạm chuyển đổi trước ngày 31/12/2014.

- Tổ chức thẩm định, kiểm tra việc thực hiện chuyển đổi tại các xã, thị trấn; phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị xử lý các trường hợp chuyển đổi tự phát, nằm ngoài quy hoạch.

- Chỉ đạo tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về công tác chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1.2. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU:

a. Giai đoạn trước 31/12/2014:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động số 50A/CTr-UBND ngày 26/4/2013 về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường giải quyết xử lý hiệu quả tình trạng vi phạm, lấn chiếm công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Tham mưu trình UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo giải tỏa vi phạm công trình thủy lợi tỉnh và phân công nhiệm vụ các thành viên viên Ban Chỉ đạo giải tỏa vi phạm công trình thủy lợi tỉnh (Tờ trình số 41/TTr-NN-TL ngày 05/6/2013; Tờ trình số 47/TTr-SNN-TL ngày 24/6/2013).

- Đôn đốc, chỉ đạo các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn thành lập Ban chỉ huy giải tỏa vi phạm công trình thủy lợi cấp huyện, cấp xã.

- Thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 50A/CTr-UBND của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo phòng ban, đơn vị trực thuộc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 12.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Yêu cầu các huyện, thành phố đưa việc quán triệt, triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TU vào sinh hoạt chi bộ, các cuộc họp nhân dân để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

b. Từ tháng 01/2015 đến 01/4/2017:

- Tham mưu trình UBND tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo giải tỏa vi phạm công trình thủy lợi tỉnh (Tờ trình số 15/TTr-SNN-CCTL ngày 09/2/2017).

- Đôn đốc UBND các huyện, thành phố kiện toàn Ban chỉ huy giải tỏa công trình thủy lợi cấp huyện và chỉ đạo các xã, phường, thị trấn kiện toàn Ban chỉ huy giải tỏa vi phạm công trình thủy lợi cấp xã.

- Tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 50A/CTr-UBND của UBND tỉnh.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TU

Toàn tỉnh chuyển đổi được 7.560,2ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; cụ thể:

- Đến 31/12/2014 chuyển đổi được 5.798ha; trong đó: 2.199ha chuyển đổi hợp pháp và 3.599ha chuyển đổi không hợp pháp).

- Năm 2015 chuyển đổi được 896,4ha đất trồng lua kém hiệu quả (đạt 76,3% theo kế hoạch năm 2015); trong đó: Chuyển đổi sang trồng cây hàng năm là 782,3ha, chuyển sang trồng lúa kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản là 113,6ha.

- Năm 2016 chuyển đổi được 865,8ha đất trồng lúa kém hiệu quả (đạt 63% theo kế hoạch năm 2016); trong đó: Chuyển đổi sang trồng cây hàng năm là 737,5ha, chuyển sang trồng lúa kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản là 128,3ha.

Nhìn chung, các hộ nông dân đã nắm bắt được chủ trương, các quy định về trình tự, thủ tục về chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả; các diện tích chuyển đổi đều nằm trong quy hoạch của cấp xã, đã và đang được trình cấp huyện thẩm định, phê duyệt; việc lựa chọn cây trồng, vật nuôi cơ bản theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT. Các mô hình chuyển đổi đều có giá trị sản xuất cao hơn so với trồng lúa, cụ thể: Mô hình chuyển sang trồng các loại rau sau khi thu hoạch cho thu nhập trung bình từ 80-90 triệu đồng/ha/vụ, cao hơn trồng 1 vụ lúa từ 2-2,5 lần. Diện tích chuyển đổi sang trồng đậu đỗ, cây làm thức ăn gia súc cho thu nhập từ 50-60 triệu đồng/ha, cao hơn trồng 1 vụ lúa từ 1,5-2 lần. Diện tích chuyển đổi sang trồng cây ăn quả hàng năm, hoa, cây cảnh, cây dược liệu bước đầu cho thu nhập từ 120-150 triệu đồng/ha, cao hơn trồng lúa từ 3-3,5 lần; có một số mô hình cho thu nhập từ 600-700 triệu đồng/ha/năm như: Mô hình trồng nghệ ở huyện Khoái Châu, mô hình trồng hoa, cây cảnh ở huyện Văn Giang; mô hình kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản mỗi ha cho thu hoạch khoảng 10 tấn quả (đu đủ, chuối, ...), từ 4,2-4,5 tấn cá các loại và 0,5-1 tấn gia cầm, thủy cầm (vịt, gà, ...) ước tính cho thu lãi từ 150-200 triệu đồng/ha/năm.

a. Công tác xử lý vi phạm đối với các trường hợp vi phạm chuyển đổi trước ngày 31/12/2014:

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành lập Đoàn kiểm tra kết quả chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản năm 2015 theo Quyết định số 91/QĐ-SNN ngày 05/4/2016.

- Qua báo cáo của các huyện, thành phố và kiểm tra tại các địa phương cho thấy việc xử lý vi phạm mới dừng lại ở mức lập biên bản xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể:

+ Huyện Văn Giang đã lập 93 biên bản vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm về chuyển đổi đất trồng lúa. UBND cấp xã đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 86 trường hợp, yêu cầu trả lại hiện trạng ban đầu đối với 07 trường hợp.

+ Huyện Ân Thi đã thành lập Đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra, phát hiện, lập biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với 264 trường hợp xây dựng trái phép trên đất chuyển đổi, huyện sẽ tổ chức xử lý vi phạm đối với các trường hợp trên trong năm 2017.

+ Huyện Phù Cừ đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với 279 trường hợp vi phạm, UBND cấp xã đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thu nộp ngân sách 593 triệu đồng.

+ Huyện Tiên Lữ lập biên bản vi phạm hành chính đối với 55 trường hợp, yêu cầu các hộ vi phạm giải tỏa, trả lại hiện trạng ban đầu.

b. Một số tồn tại, hạn chế:

- Việc trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch chuyển đổi tại một số địa phương còn chậm, do vậy kết quả chuyển đổi đạt thấp so với kế hoạch đề ra; tại một số cơ sở chuyển đổi còn manh mún, nhỏ lẻ cả về quy mô lẫn hình thức, khó áp dụng cơ giới hóa cũng như các tiến bộ kỹ thuật đồng bộ, sản phẩm chưa có tính hàng hóa, đầu ra khó khăn nên hiệu quả sản xuất chưa cao.

- Việc xử phạt vi phạm theo quy định tại Mục 3.2, Quyết định số 438/QĐ-UBND còn hạn chế, chưa thực sự quyết liệt, đặc biệt đối với các trường hợp lợi dụng chủ trương chuyển đổi để xây dựng các công trình nhà ở trên đấy chuyển đổi.

- Ở một số địa phương đã có hiện tượng tích tụ ruộng đất nhưng không tăng giá trị sản xuất.

- Công tác quản lý, kiểm tra chưa sâu sát; việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp tự ý chuyển đổi chưa kịp thời, triệt để đôi khi mang tính hình thức, ngại va chạm do vậy vẫn còn tình trạng một số hộ nông dân tự ý chuyển đổi không đúng trình tự, thủ tục theo quy định; việc xây dựng nhà tạm, kho, lán chứa đựng vật tư, dụng cụ sản xuất trên đất chuyển đổi nhất là đối với một số hộ chuyển sang mô hình kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, vận động nông dân ở một số địa phương, cơ sở chưa thường xuyên; việc giải quyết thủ tục đăng ký chuyển đổi còn chậm, có trường hợp còn gây khó khăn, ảnh hưởng đến kế hoạch chuyển đổi chung của địa phương.

2.2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, các địa phương nên từ khi thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động, công tác ngăn chặn, xử lý, giải tỏa vi phạm CTTL đã đạt được những kết quả quan trọng như sau:

- Huy động được toàn bộ hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở vào cuộc để ngăn chặn, xử lý vi phạm công trình thủy lợi. Thành lập ban chỉ huy từ huyện, thành phố đến các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý đất đai, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được tăng cường bằng nhiều hình thức như hội nghị, tập huấn, tọa đàm, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp cùng Công ty Khai thác CTTL tỉnh và UBND các huyện tổ chức 10 hội nghị tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều và phòng chống lụt bão tại các huyện cho đối tượng là trưởng thôn, cán bộ giao thông thủy lợi, người dân và công nhân của Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi. Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi tổ chức 06 lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi tại các huyện cho các thành viên của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức nhiều cuộc kiểm tra việc ngăn chặn, xử lý giải tỏa vi phạm công trình thủy lợi của các huyện, thành phố với nhiều hình thức (kết hợp trong các đợt kiểm tra phòng chống lụt bão úng, tình hình đổ ải, chống hạn). Qua đó, trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở các địa phương kiên quyết xử lý giải tỏa vi phạm, tuyệt đối không để phát sinh vi phạm mới. Đã chỉ đạo Chi cục Thủy lợi phối hợp với Thanh tra Sở tiến hành 04 cuộc thanh tra việc chấp hành pháp luật về Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi (03 cuộc tại 03 Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi và 01 cuộc tại 03 xã của huyện Khoái Châu).

- Công ty TNHH một thành viên KTCT thủy lợi đã phối hợp với chính quyền địa phương triển khai ký cam kết không vi phạm về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tới từng hộ gia đình có liên quan tại: Xã Phú Cường, xã Trung Nghĩa, xã Bảo Khê, Xã Liên Phương, xã Hồng Nam, xã Tân Hưng- thành phố Hưng Yên; xã Phùng Hưng huyện Khoái Châu.

Việc cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đã được Công ty triển khai và đã cắm mốc chỉ giới được 105 tuyến kênh trọng điểm với tổng chiều dài 142,3km.

Theo tổng hợp báo cáo của các đơn vị:

Từ 01/4/2013 đến 31/12/2014:

- Đến 31/12/2014, tổng số vi phạm đã được rà soát, thống kê, lập hồ sơ là: **5.939** vi phạm, trong đó:

Làm nhà, công trình phụ:	2.316 vi phạm.
Làm lều quán, lán trại:	589 vi phạm.
San lấp:	350 vi phạm.
Trồng cây:	1.167 vi phạm.
Vi phạm khác:	1.194 vi phạm.
Ách tắc dòng chảy:	323 vi phạm.

- Đã xử lý, giải tỏa được: **2.465** vi phạm (đạt 41,5%).

Từ 01/1/2015 đến 30/4/2017: (Số liệu dưới đây đã bao gồm số liệu của giai đoạn từ 01/4/2013 đến 31/12/2014)

- Đến 31/12/2016 tổng số vi phạm đã được rà soát, thống kê, lập hồ sơ: **6.491** vi phạm, gồm:

Làm nhà, công trình phụ:	2.602 vi phạm.
Làm lều quán, lán trại:	606 vi phạm.
San lấp:	393 vi phạm.
Trồng cây:	1.218 vi phạm.
Vi phạm khác:	1.349 vi phạm.
Ách tắc dòng chảy:	323 vi phạm.

- Tổng số vi phạm đã được giải tỏa đến 31/12/2016: **2.964** vi phạm (đạt 45,7%).

- Tổng số vi phạm còn tồn tại đến 31/12/2016: **3.527** vi phạm.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Đánh giá chung: Sau bốn năm thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 50A/CTr-UBND của UBND tỉnh, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành, các địa phương và các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi nên công tác ngăn chặn, xử lý, giải tỏa vi phạm CTTL đã đạt kết quả cao. Những vi phạm mới, tái vi phạm cơ bản được ngăn chặn, xử lý ngay; hệ thống kênh mương thông thoáng, đáp ứng được yêu cầu tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh; ý thức của cán bộ và nhân dân về trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi được nâng lên một bước, góp phần hạn chế vi phạm mới trong thời gian gần đây.

Bên cạnh những kết quả đạt được còn tồn tại hạn chế như:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các huyện, thành phố chưa tập trung, thiếu quyết liệt, chưa huy động được hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở vào cuộc. Tình trạng ngại khó khăn, ngại va chạm, né tránh diễn ra ở nhiều nơi. Việc phối hợp giữa các địa phương với các Công ty, Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi còn thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả.

Các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi chưa phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm công trình thủy lợi ngay từ khi mới manh nha. Chưa chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp hữu hiệu để xử lý, giải tỏa vi phạm. Sự phối hợp giữa các Công ty khai thác công trình thủy lợi với các địa phương chưa chặt chẽ, thường xuyên, chưa hiệu quả, dẫn đến tiến độ xử lý, giải quyết chậm. Việc cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi còn rất hạn chế.

Các sở, ngành thực hiện chưa tốt nhiệm vụ được giao theo yêu cầu của Nghị quyết số 12-NQ/TU. Sở Tài nguyên và Môi trường chưa chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố trong việc chỉ đạo, tổ chức tổng hợp, thẩm định, đề xuất với UBND tỉnh biện pháp giải quyết những trường hợp đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai phạm, những trường hợp cho thầu và bán đất dịch vụ trái thẩm quyền, trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Công tác báo cáo tiến độ triển khai, kết quả thực hiện hàng tháng của các huyện, thành phố không thực hiện đầy đủ, nghiêm túc.

III. Nhận xét, kiến nghị

1. Nhận xét

1.1. Ưu điểm: Là một tập thể đoàn kết, thống nhất, kiên định, vững vàng, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công; luôn giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng trong sáng và chấp hành nghiêm túc các quy định của Đảng, Nhà nước trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo. Đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT kịp thời, hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tham mưu thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 21-CT/TU và Nghị quyết số 12-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.2. Khuyết điểm, hạn chế: Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại như: Công tác phối hợp với các các ngành và các địa phương có lúc chưa được nhịp nhàng, chưa tham mưu được cho UBND tỉnh biện pháp hữu hiệu để xử lý những trường hợp vi phạm phức tạp có liên quan đến xây dựng công trình kiên cố và những trường hợp liên quan đến nguồn gốc đất.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Về Chỉ thị số 21-CT/TU

Đề nghị ban hành chính sách tích tụ ruộng đất, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc mở rộng quy mô "cánh đồng mẫu lớn" ở các địa phương và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

2.2. Về Nghị quyết số 12-NQ/TU

- Đề nghị Tỉnh ủy, UBND tỉnh xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; đưa việc thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động là một trong những tiêu chí để đánh giá cán bộ, tổ chức đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh hàng năm theo tinh thần của Nghị quyết số 12.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở ban ngành, các cá nhân, tổ chức khi có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và PTNT, Công ty Khai thác công trình thủy lợi có liên quan và xin cấp phép theo quy định. Chỉ đạo Đài phát thanh- Truyền hình, Báo Hưng Yên tăng thời lượng, nội dung tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 12-NQ/TU và các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi.

- Đề nghị UBND tỉnh hàng năm bố trí kinh phí cho công tác tuyên truyền, xử lý, giải tỏa vi phạm và cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Doanh

Phụ lục IV: TỔNG SỐ VI PHẠM CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CÒN TỒN TẠI ĐẾN 31/12/2016

(Kèm theo Báo cáo số 73/BC-SNN ngày 15/5/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Đơn vị	Chi tiết vi phạm còn tồn tại đến 31/12/2016																		
		Tổng	BHH	Công ty tỉnh	Làm nhà, công trình phụ			Lều quán, lán trại			San lấp			Trồng cây			Vi phạm khác			Ách tắc dòng chảy
					Tổng	BHH	Công ty tỉnh	Tổng	BHH	Công ty tỉnh	Tổng	BHH	Công ty tỉnh	Tổng	BHH	Công ty tỉnh	Tổng	BHH	Công ty tỉnh	
1	Văn Giang	**388**	**268**	**120**	358	238	120	8	8	-	7	7	-	2	2	-	13	13	-	
2	Khoái Châu	**798**	**8**	**790**	678	10	668	91	2	89	-	0	-	-	0	-	29	-4	33	
3	Văn Lâm	**92**	**9**	**83**	15	2	13	8	5	3	-	0	-	13	0	13	56	2	54	
4	Mỹ Hào	**104**	**15**	**89**	10	1	9	53	3	50	13	1	12	9	0	9	19	10	9	
5	Yên Mỹ	**611**	**369**	**242**	424	284	140	48	11	37	21	21	-	1	1	-	117	52	65	
6	Ân Thi	**243**	**32**	**211**	82	9	73	67	13	54	31	5	26	11	1	10	52	4	48	
7	Kim Động	**905**	**496**	**409**	843	446	397	3	3	-	-	0	-	45	43	2	14	4	10	
8	Tiên Lữ	**20**	**0**	**20**	0	0	0	14	0	14	-	0	-	-	0	-	6	0	6	
9	Phù Cừ	**64**	**16**	**48**	52	7	45	8	6	2	2	2	-	-	0	-	2	1	1	
10	TP.Hưng Yên	**302**	**0**	**302**	76	0	76	24	0	24	-	0	-	-	0	-	202	0	202	
	Tổng cộng	**3.527**	**1.213**	**2.314**	**2.538**	997	1.541	**324**	51	273	**74**	36	38	**81**	47	34	**510**	82	428	**0**

Phụ lục III: TỔNG SỐ VI PHẠM CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐÃ GIẢI TỎA ĐẾN 31/12/2016

(Kèm theo Báo cáo số 73/BC-SNN ngày 15/5/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Đơn vị	Chi tiết vi phạm đã xử lý, giải tỏa đến 31/12/2016						
		Tổng	Làm nhà, công trình phụ	Lều quán, lán trại	San lấp	Trồng cây	Vi phạm khác	Ách tắc dòng chảy
1	Văn Giang	**521**	7	87	53	289	59	26
2	Khoái Châu	**475**	25	5	20	227	85	113
3	Văn Lâm	**136**	1	19	21	20	75	0
4	Mỹ Hào	**254**	4	24	38	44	143	1
5	Yên Mỹ	**321**	4	67	23	3	188	36
6	Ân Thi	**205**	5	11	61	9	46	73
7	Kim Động	**262**	6	19	97	120	20	0
8	Tiên Lữ	**108**	0	45	-	-	37	26
9	Phù Cừ	**43**	2	3	6	-	15	17
10	TP.Hưng Yên	**639**	10	2	-	425	171	31
	Tổng cộng	**2.964**	**64**	**282**	**319**	**1.137**	**839**	**323**

Phụ lục II: KẾT QUẢ RÀ SOÁT, THỐNG KÊ, LẬP HỒ SƠ VI PHẠM ĐẾN 31/12/2016

(Kèm theo Báo cáo số 73 /BC-SNN ngày 15/5/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Đơn vị	Chi tiết vi phạm đã rà soát, lập hồ sơ						
		Tổng	Làm nhà, công trình phụ	Lều quán, lán trại	San lấp	Trồng cây	Vi phạm khác	Ách tắc dòng chảy
1	Văn Giang	**909**	365	95	60	291	72	26
2	Khoái Châu	**1.273**	703	96	20	227	114	113
3	Văn Lâm	**228**	16	27	21	33	131	0
4	Mỹ Hào	**358**	14	77	51	53	162	1
5	Yên Mỹ	**932**	428	115	44	4	305	36
6	Ân Thi	**448**	87	78	92	20	98	73
7	Kim Động	**1.167**	849	22	97	165	34	0
8	Tiên Lữ	**128**	0	59	-	-	43	26
9	Phù Cừ	**107**	54	11	8	-	17	17
10	TP.Hưng Yên	**941**	86	26	-	425	373	31
	Tổng cộng	**6.491**	2.602	**606**	**393**	**1.218**	**1.349**	**323**

Phụ lục I: TỔNG HỢP VI PHẠM ĐÃ RÀ SOÁT, THỐNG KÊ VÀ XỬ LÝ, GIẢI TỎA ĐẾN 31/12/2014

(Kèm theo Báo cáo số 73/BC-SNN ngày 15/5/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Đơn vị	Tổng số vi phạm	Vi phạm đã giải tỏa	Vi phạm còn lại chưa giải tỏa	Chi tiết																	
					Làm nhà, công trình phụ			Lều quán, lán trại			San lấp			Trồng cây			Vi phạm khác			Ách tắc dòng chảy		
					Tổng	Đã giải tỏa	Còn lại	Tổng	Đã giải tỏa	Còn lại	Tổng	Đã giải tỏa	Còn lại	Tổng	Đã giải tỏa	Còn lại	Tổng	Đã giải tỏa	Còn lại	Tổng	Đã giải tỏa	Còn lại
1	Văn Giang	**864**	**512**	**352**	355	3	352	83	83	0	53	53	0	289	289	0	58	58	0	26	26	0
2	Khoái Châu	**1.234**	**429**	**805**	680	8	672	133	0	133	13	13	0	227	227	0	68	68	0	113	113	0
3	Văn Lâm	**221**	**136**	**85**	14	1	13	25	19	6	22	21	1	33	20	13	127	75	52	0	0	0
4	Mỹ Hào	**354**	**229**	**125**	12	4	8	77	2	75	51	35	16	52	44	8	161	143	18	1	1	0
5	Yên Mỹ	**539**	**298**	**241**	143	4	139	104	67	37	20	20	0	2	2	0	234	169	65	36	36	0
6	Ân Thi	**410**	**170**	**240**	75	2	73	65	11	54	88	55	33	19	7	12	90	22	68	73	73	0
7	Kim Động	**1.159**	**258**	**901**	898	3	895	18	18	0	97	97	0	120	120	0	26	20	6	0	0	0
8	Tiên Lữ	**128**	**107**	**21**	0	0	0	59	45	14	0	0	0	0	0	0	43	36	7	26	26	0
9	Phù Cừ	**89**	**39**	**50**	49	2	47	3	1	2	6	6	0	0	0	0	14	13	1	17	17	0
10	TP.Hưng Yên	**941**	**287**	**654**	90	6	84	22	2	20	0	0	0	425	149	276	373	105	268	31	25	6
	Tổng cộng	**5.939**	**2.465**	**3.474**	**2.316**	**33**	**2.283**	**589**	**248**	**341**	**350**	**300**	**50**	**1.167**	**858**	**309**	**1.194**	**709**	**485**	**323**	**317**	**6**